

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN XUÂN HỒNG

**“NHỮNG YẾU TỐ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY”**

(Khảo sát tại Huyện Chương Mỹ, Hà Nội).

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH XÃ HỘI HỌC

Mã số: 62 31 30 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: GS.TS. Lê Ngọc Hùng

HÀ NỘI 2020

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lao động, nghề nghiệp và việc làm luôn là những yếu tố cơ bản để mỗi người lao động làm ra sản phẩm về vật chất và tinh thần nuôi sống bản thân, gia đình và đóng góp cho xã hội. Sự biến đổi lao động, việc làm và nghề nghiệp cũng là một trong những nguồn gốc của biến đổi xã hội từ truyền thống sang hiện đại. Chính vì vậy, đây luôn là những nhóm chủ đề nghiên cứu cơ bản trong xã hội học.

Ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu xã hội học về chủ đề nghề nghiệp, việc làm trên nhiều vùng nông thôn trong cả nước, trong nhiều giai đoạn. Kết quả của những nghiên cứu đã cung cấp một bức tranh toàn cảnh về lao động, nghề nghiệp, việc làm ở nông thôn Việt Nam nhất là trong giai đoạn đang chuyển đổi sang cơ chế mới.

Từ 2010 đến nay, hoàn cảnh nông thôn Việt Nam đã thay đổi rất nhiều. Khác với giai đoạn đầu, hiện nay, đất nước ta đã thực hiện công cuộc “Đổi mới” được hơn ba mươi năm, tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng, kéo theo những chuyển đổi mạnh mẽ trong lĩnh vực lao động, việc làm. Những thay đổi cả về cấu trúc, thành phần, quy mô và khu vực kinh tế của cơ cấu việc làm. Một nông thôn mới đang định hình và phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa dần đáp ứng những kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Điều kiện mới làm xuất hiện nhiều yếu tố mới trong quá trình chuyển đổi, những hiện tượng chuyển đổi mới về mục đích sử dụng ruộng đất, dôi dư lao động, những nghề nghiệp việc làm mới xuất hiện ở nông thôn. Những mô hình liên kết sản xuất mới (liên kết bốn nhà, nhà nông, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà kinh doanh). Những chương trình phát triển kinh tế mới nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương (OCOP) được triển khai. Những đòi hỏi về đầu tư khoa học công nghệ đáp ứng những tiêu chuẩn sản xuất mới (VIET GAP), (ASEAN GAP), những thị trường mới...

Mặt khác, để cụ thể hóa những chủ trương to lớn của Đảng về phát triển nông thôn thời kỳ mới, Chính phủ đã phê duyệt và ban hành nhiều nghị

quyết, nhiều chương trình phát triển nông thôn mới. Những nghị quyết, chương trình này vừa có tính định hướng, vừa có tính cụ thể.

Tất cả những yếu tố mới đó đều có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường lao động, việc làm ở nông thôn. Những yếu tố và những ảnh hưởng đó cần phải được nghiên cứu, phân tích, lý giải, khái quát, làm cơ sở tư vấn, khuyến nghị cho các nhà quản lý xây dựng chính sách phát triển kinh tế, mở rộng nghề nghiệp, việc làm cho người lao động.

Chương Mỹ là một ví dụ điển hình về một địa phương có đầy đủ các đặc điểm của một vùng nông thôn truyền thống có nhiều tiềm năng về tài nguyên đất đai, con người và các nghề truyền thống. Tuy nhiên, Chương Mỹ vẫn được coi là địa phương khó khăn về phát triển kinh tế. Các cấp chính quyền quản lý ở địa phương đang từng bước tìm mô hình phát triển kinh tế phù hợp để có thể khai thác được những thế mạnh sẵn có của địa phương, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Trong thời gian qua, chưa có đề tài nghiên cứu về việc làm và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động được triển khai tại địa phương. Việc chọn huyện Chương Mỹ có ý nghĩa xác định và phân tích thực trạng chuyển đổi việc làm ở ngoại thành hiện nay như thế nào. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến biến đổi việc làm cũng chính là những hàm ý về chính sách để hỗ trợ tốt hơn quá trình này. Trong bối cảnh đó, chúng tôi chọn đề tài ***“Những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm của người lao động ở nông thôn hiện nay”*** để nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng việc làm, chuyển đổi việc làm và một số yếu tố xã hội cơ bản ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi đó. Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố xã hội tới quá trình chuyển đổi việc làm và dự báo xu hướng chuyển đổi của quá trình đó và góp thêm một số cứ liệu khoa học để tư vấn xây dựng chính sách hỗ trợ biến đổi này theo hướng tích cực và hiệu quả.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu, làm rõ thực trạng việc làm, chuyển đổi việc làm và một số yếu tố xã hội cơ bản ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội, từ đó đề

xuất một số giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy quá trình chuyển đổi việc làm ở nông thôn theo hướng tích cực, hiệu quả và bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

- Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận, phương pháp luận nghiên cứu về chuyển đổi việc làm bằng cách làm rõ một số khái niệm công cụ, và vận dụng một số lý thuyết xã hội học ở cấp độ vĩ mô và trung mô.

- Mô tả, phân tích, đánh giá thực trạng việc làm và chuyển đổi việc làm của người lao động ở nông thôn ngoại thành Hà Nội hiện nay xét trên các phương diện về cấu trúc, thành phần, tính chất, quá trình và xu hướng chuyển đổi như thế nào.

- Mô tả, phân tích, đánh giá những yếu tố xã hội cơ bản ảnh hưởng đến việc chuyển đổi việc làm ở nông thôn hiện nay.

- Đề xuất một số giải pháp cụ thể phục vụ mục đích định hướng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động nông thôn.

3. Đối tượng, Khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu.

Những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm của người lao động ở nông thôn ngoại thành hiện nay.

3.2. Khách thể nghiên cứu.

Nhóm thứ nhất: Người lao động trong độ tuổi từ 17 - 60 trong các hộ gia đình tại 2 xã Đông Sơn và xã Đại Yên, thuộc huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội.

Nhóm thứ hai: Lãnh đạo chính quyền địa phương, cán bộ phụ trách nhân sự của một số doanh nghiệp, cán bộ phụ trách đoàn thể như Hội nông dân, Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc...liên quan đến lao động, việc làm của người lao động.

3.3. Phạm vi nghiên cứu.

- *Phạm vi không gian:* Khảo sát (phỏng vấn bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, sưu tầm tài liệu) trên địa bàn bốn thôn của 2 xã Đông Sơn và 3 thôn của xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ - Hà Nội.

- *Phạm vi thời gian:* Khảo sát đợt 1 tại Đông Sơn từ 4/2019 đến 5/2019. Đợt 2 khảo sát tại Đại Yên từ 6/2019 đến tháng 8/2019. Khảo sát bổ sung thông tin định tính tháng 5/2020.

- Phạm vi vấn đề nghiên cứu: Khảo sát những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của người lao động trong vòng 10 năm trở lại đây (từ năm 2010 đến 2019) theo ba mốc thời gian: 2010, 2015 và 2019) trên hai nhóm khách thể nêu ở trên, chú trọng gia đoạn chuyển đổi 2015 - 2019

4. Ý nghĩa của luận án

4.1. Ý nghĩa khoa học

Vận dụng một số lý thuyết xã hội học hiện đại, lý thuyết xã hội học chuyên ngành như: xã hội học kinh tế, lao động và việc làm, xã hội học nông thôn... vào nghiên cứu một đề tài xã hội học trong thực tiễn nông thôn Việt Nam hiện nay. Đồng thời kiểm chứng một số quan điểm lý thuyết xã hội học kinh điển và hiện đại về lao động và việc làm. Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài sẽ bổ sung thêm một số bằng chứng từ nghiên cứu thực nghiệm tại một địa bàn đặc thù ở nông thôn Bắc Bộ Việt Nam trong thời kỳ mới minh họa cho các lý thuyết đã được phổ biến..

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả của đề tài sẽ góp phần khái quát lên một số nhận định và một số mô hình về quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Mặt khác việc so sánh kết quả nghiên cứu của đề tài với kết quả nghiên cứu các đề tài trước đây sẽ giúp các nhà nghiên cứu tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt để có thể dự báo xu hướng biến đổi của lĩnh vực lao động và việc làm ở nông thôn hiện nay và trong thời gian tới. Từ đó đề tài có thể đề xuất những khuyến nghị thiết thực nhằm định hướng hoạch định chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi việc làm ở địa phương một cách hiệu quả. Về thực tiễn sư phạm, luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong các học phần như xã hội học về việc làm, xã hội học nghề nghiệp, xã hội học lao động, xã hội học nông thôn, xã hội học về biến đổi xã hội, xã hội học về di động xã hội.

5. Các câu hỏi nghiên cứu:

- Hiện nay người lao động ở nông thôn đang chuyển đổi việc làm như thế nào?
- Các yếu tố xã hội nào ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi đó?

- Cần có những giải pháp nào để hỗ trợ tốt nhất cho sự chuyển đổi việc làm, qua đó đạt được sự biến đổi nghề nghiệp và việc làm một cách tích cực và bền vững ?

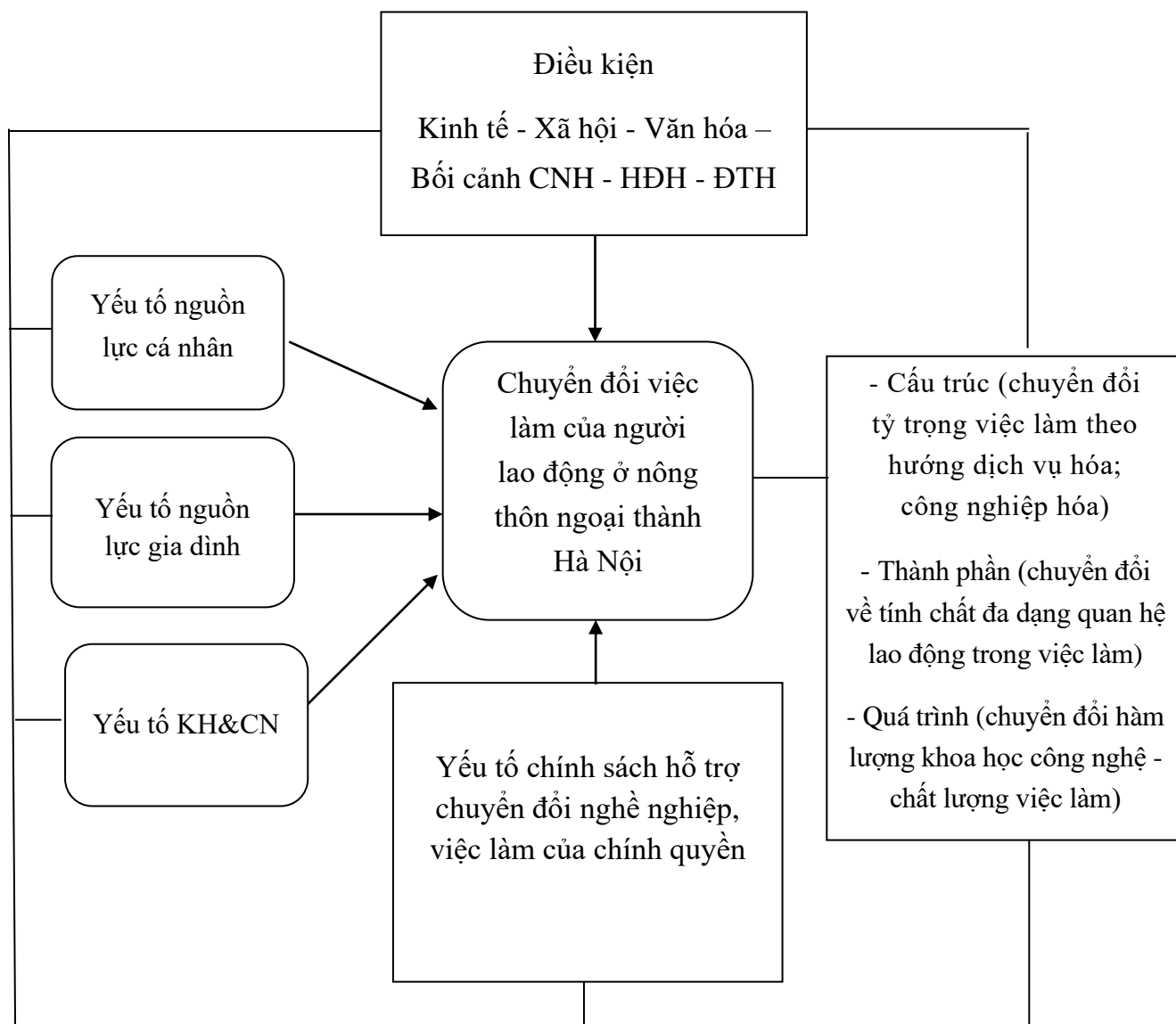
6. Giả thuyết nghiên cứu.

- Việc chuyển đổi việc làm ở nông thôn hiện nay diễn ra theo hướng đa dạng hóa, giảm tỷ trọng việc làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, công nghiệp và làm thuê. Việc chuyển đổi việc làm còn mang tính tự phát, tốc độ còn tương đối chậm...

- Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động ở nông thôn gồm ba nhóm yếu tố: nguồn lực của cá nhân, gia đình, yếu tố thị trường và yếu tố khoa học và công nghệ.

- Cần một giải pháp đồng bộ từ chủ trương phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp đến các biện pháp cụ thể, hỗ trợ thiết thực cho người lao động thì sự chuyển đổi nghề nghiệp,việc làm mới có tính chất bền vững.

7. Khung phân tích



Phân tích khung lý thuyết

* **Các biến số độc lập**

- Yếu tố nguồn lực cá nhân (tuổi, giới tính, thu nhập, học vấn...)
- Yếu tố nguồn lực gia đình (vốn, kinh nghiệm sản xuất, đất đai, nhân lực...)
- Yếu tố thị trường (KH&CN, đầu ra, đầu vào).

* **Biến số phụ thuộc**

- Chuyển đổi việc làm (về thành phần, cấu trúc, và quá trình)
 - + Thành phần: Thay đổi tính chất quan hệ lao động trong những nhóm việc làm có những mô hình sở hữu về tư liệu sản xuất khác nhau (Tư hữu, HTX, công hữu, công tư hợp doanh, liên doanh...), thay đổi những việc làm truyền thống (nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi...) và việc làm mới xuất hiện (Dịch vụ giao nhận hàng hóa, tổ chức sự kiện, làm đẹp, quảng cáo...)
 - + Cấu trúc: Thay đổi tỷ trọng việc làm so sánh những nhóm ngành nghề khác nhau (nông nghiệp, tiểu thủ công, công nghiệp, dịch vụ, kinh doanh thương mại thay đổi)
 - + Quá trình: (chất lượng việc làm) hàm lượng khoa học công nghệ được ứng dụng, thị trường mua bán trong nước, ngoài nước.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Một số nghiên cứu tiêu biểu về chuyển đổi việc làm của người lao động trên thế giới và ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị

1.2. Những nghiên cứu về việc làm và chuyển đổi việc làm nông thôn sau khi có sự thay đổi chính sách phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

1.3. Những nghiên cứu về việc làm và những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm ở nông

Chương 2: Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Các khái niệm công cụ:

2.1.1. Khái niệm “lao động”.

Lao động được cấu thành bởi 6 yếu tố cơ bản. *Thứ nhất*, chủ thể lao động là bản thân con người (cá nhân, nhóm, tổ chức xã hội). *Thứ hai*, công cụ lao động gồm phương tiện, máy móc kỹ thuật, công nghệ kỹ năng, tri thức. *Thứ ba*, điều kiện lao động gồm điều kiện môi trường tự nhiên, môi trường kỹ thuật, phương thức tổ chức và quản lý sản xuất. *Thứ tư*, đối tượng lao động là phức hợp những thuộc tính, đặc điểm, những mối tương tác những sự vật và hiện tượng mà con người tác động làm biến đổi chúng thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Mỗi lĩnh vực sản xuất lại có những đối tượng lao động riêng. *Thứ năm*, mục đích lao động là những gì mà cá nhân, xã hội kỳ vọng chờ đợi có thể là những vật dụng cụ thể như bàn, ghế, có thể là các giá trị trừu tượng như cái đẹp, cái hay của một bức tranh, tác phẩm văn học thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người. *Thứ sáu*, xu hướng lao động là phức hợp những ý nghĩa, giá trị mà cá nhân, xã hội gán cho lao động của họ; những ý nghĩa, giá trị đó có khả năng thúc đẩy hành vi, tình cảm và suy nghĩ của chủ thể lao động.

2.1.2. Khái niệm “việc làm”

Việc làm được thể hiện trong ba dạng sau:

+ Làm các công việc để nhận tiền công, tiền lương bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật cho công việc đó.

+ Làm các công việc để thu lợi nhuận cho bản thân bao gồm sản xuất nông nghiệp do chính thành viên đó sở hữu, quản lý hay có quyền sử dụng, hoặc kinh tế ngoài nông nghiệp do chính thành viên đó làm chủ hoặc một phần.

+ Làm việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao dưới hình thức tiền công, tiền lương cho công việc đó. Bao gồm sản xuất nông nghiệp trên đất do chủ hộ hoặc một thành viên trong hộ đó sở hữu, quản lý hay có quyền sử dụng hoặc hoạt động kinh tế ngoài nông nghiệp do chủ hộ hoặc một thành viên trong chủ hộ làm chủ hoặc quản lý

Phân loại việc làm: Có nhiều cách phân loại việc làm, có cách dựa vào tiêu chí mức thu nhập cao, thấp hay trung bình. Có cách phân loại công việc dựa vào tiêu chí thời gian người lao động tham gia thực hiện việc làm như:

+ Việc làm bán thời gian (một nửa thời gian): là việc làm không đủ thời gian 8 tiếng một ngày hay 5 ngày một tuần như quy định của nhà nước.

+ Việc làm đủ thời gian: là việc làm đủ 8 tiếng một ngày hay 5 ngày một tuần theo quy định của nhà nước

+ Việc làm thêm thời gian: (khác với làm thêm giờ) là công việc khác không chính thức, không thường xuyên bên cạnh một công việc chính thức ổn định.

2.1.3. Khái niệm “Chuyển đổi việc làm”

- Chuyển đổi việc làm (về thành phần, cấu trúc, và quá trình)

+ Thành phần: Những việc làm truyền thống (nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi...) và việc làm mới xuất hiện (Kinh doanh, giao nhận hàng hóa, quảng cáo PR, Spa, làm thuê...)

+ Cấu trúc: Tỷ trọng việc làm phi nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại thay đổi.

+ Về quá trình: tính chất công việc, những yêu cầu về hàm lương khoa học, công nghệ mới, về thị trường.

2.1.4. Khái niệm “Yếu tố xã hội”

Trong luận án, các yếu tố xã hội được đề cập bao gồm 3 nhóm:

* Nguồn lực cá nhân bao gồm các yếu tố xã hội kết tinh trong mỗi cá nhân: Nghề nghiệp, trình độ học vấn, giới (vai trò giới), tuổi (thâm niên, kinh nghiệm), thu nhập, tình trạng hôn nhân, tôn giáo...

* Nguồn lực gia đình gồm: Nguồn nhân lực, các loại vốn kinh tế, xã hội, các phương tiện, công cụ kỹ thuật và công nghệ, nhân lực...

* Yếu tố thị trường: Khoa học và công nghệ, đầu vào của nguyên liệu, đầu ra của sản phẩm, nhu cầu thị trường...

2.1.5. Khái niệm “Nông thôn”.

Nông thôn được hiểu là *phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn và được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã. Nông thôn Việt Nam là danh từ để chỉ những vùng đất mà ở đó, người dân sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.*

Với nội hàm của khái niệm mới về nông thôn, cho phép hiểu nông thôn một cách linh động hơn. Nông thôn là vùng lãnh thổ không chỉ có các thuộc tính đặc trưng khác biệt như 2 khái niệm nêu trên. Nông thôn ngày đã đa dạng về nghề nghiệp, về môi trường tự nhiên, mật độ dân số và tính thuần nhất của cộng đồng đã thay đổi theo hướng không thuần nhất của đô thị.

<https://kinhtenongthon.com.vn/nong-thon-la-gi/>

2.1.6. Khái niệm “Người lao động nông thôn”

lao động nông thôn được hiểu là người đang trong độ tuổi lao động theo pháp luật Việt Nam (Từ 15 đến 60 tuổi), hiện đang định cư tại khu vực nông thôn. Vùng lãnh thổ có những đặc trưng riêng biệt về điều kiện tự nhiên, xã hội theo định nghĩa trên đây. Tuy nhiên, trong điều kiện thị trường lao động việc làm mở rộng hiện nay không nhất thiết người lao động phải đang làm việc tại địa phương.

2.2. Các lý thuyết vận dụng trong luận án:

2.2.1. Lý thuyết sự lựa chọn hành vi hợp lý:

2.2.2 - Lý thuyết cấu trúc chức năng

2.2.3. Lý thuyết phân công lao động của DurKheim

2.2.4. Lý thuyết hiện đại hóa.

2.3. Địa bàn nghiên cứu

2.3.1. Huyện Chương Mỹ - Hà Nội.

2.3.2. Xã Đại Yên – Huyện Chương Mỹ

2.3.3. Xã Đông Sơn – Huyện Chương Mỹ

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi

2.4.2. Phương pháp phân tích tài liệu.

2.4.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

2.4.4. Phương pháp quan sát

Chương 3. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY

3.1. Thực trạng cơ cấu nghề nghiệp, việc làm ở nông thôn hiện nay

Phân tích số liệu điều tra về cơ cấu nghề nghiệp, việc làm của đề tài luận án 2019 cho thấy, từ hơn mười năm trước, tại địa phương đã hình thành cơ cấu nghề nghiệp đa dạng, có khoảng 9 nhóm nghề nghiệp, việc làm chính. Các nhóm nghề nghiệp, việc làm phân bố dàn trải, tỷ lệ mỗi nhóm thấp như đang ở mức khởi nghiệp. Có /9 ngành có tỷ lệ < 10%. Không còn nhóm việc làm nào chiếm lý lệ cao hơn 30%. Sản xuất nông nghiệp vốn là nhóm việc làm chủ yếu nay không còn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu việc làm ở địa phương. Đáng chú ý, tỷ trọng việc làm cao tập trung vào một số ngành phi nông nghiệp. Nhóm việc làm tại các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống được khôi phục. Nhiều ngành nghề mới phi truyền thống xuất hiện và chiếm tỷ trọng cao như các nghề dịch vụ, kinh doanh, công nghiệp và làm thuê.

Hiện nay (2019), cơ cấu sản xuất nông nghiệp truyền thống bao gồm hai lĩnh vực trồng trọt (lúa, hoa màu, cây hoa quả đặc sản) chiếm 15,6% và chăn nuôi (gia súc, gia cầm và thủy sản) chiếm 4,6%. Tổng tỷ trọng của hai lĩnh vực (gọi chung là sản xuất nông nghiệp, trồng lúa 15,6% + chăn nuôi 4,6% = 20,2% trong tổng các ngành nghề hiện có). Mặc dù sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng 20,2% nhưng vẫn còn cao so với kỳ vọng của địa phương. Theo Dự thảo Nghị quyết (2019) chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện phấn đấu đến 2020 giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp xuống còn khoảng 15 % -16 %. Tỷ lệ nghề nghiệp, việc làm tập trung cao nhất ở nhóm làm thuê chiếm 29,3%. Bản chất của việc làm thuê là quá trình người lao động dùng sức lao động làm ra một loại sản phẩm về vật chất và tinh thần nào đó (thực hiện một việc làm trong một khoảng thời gian xác định) cho người thuê lao động để lấy tiền công do người thuê chi trả. Việc thực hiện một việc làm được nhìn nhận ở hai mức độ. Một là việc làm có tính chất ngắn hạn, giản đơn, ít đòi hỏi về mặt kỹ thuật chuyên môn gọi là một việc làm đơn lẻ cụ thể.

Như vậy, sự phân hóa và phân công lao động đã và đang tạo ra một thị trường lao động, việc làm mới tại nông thôn hiện nay. Thị trường lao động

hình thành theo hướng đa dạng hóa nghề nghiệp. Nhóm việc làm ở nghề truyền thống sản xuất nông nghiệp không còn chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu nghề nghiệp (Hiện nay chiếm khoảng 20%). Không có nhóm việc làm nào chiếm tỷ lệ cao hơn 30% trong cơ cấu nghề nghiệp ở địa phương.

Thị trường lao động đa dạng tạo ra hiện tượng đáng chú ý, tỷ trọng nhóm làm thuê cao nhất trong cơ cấu việc làm hiện nay (29,3%). Ngoài nhóm làm thuê, xuất hiện những nhóm việc làm phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao hơn nhóm việc làm trong nghề nông nghiệp. Các nhóm ngành kinh doanh, dịch vụ, tiểu thủ công được hình thành chiếm tỷ lệ đáng kể tạo ra một cơ cấu nghề nghiệp mới khác nhiều so với cơ cấu nghề nghiệp ở nông thôn trước thời kỳ đổi mới. Một tỷ trọng sản xuất nông nghiệp hợp lý trong cơ cấu nghề nghiệp nông thôn hiện nay là hướng chuyển đổi đúng đắn theo tinh thần xây dựng nông thôn mới đa dạng hóa và hiện đại của Đảng và Nhà nước ta.

3.2. Chuyển đổi nội trong các nhóm nghề nghiệp, việc làm ở nông thôn hiện nay

Phân tích số liệu về chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm nội trong các nhóm cho thấy, trong 10 năm trở lại đây cơ cấu nghề nghiệp việc làm ở nông thôn có xu hướng biến đổi khá rõ theo các hướng sau:

Hướng thứ nhất: giảm dần tỷ trọng ở các nhóm ngành sản xuất nông nghiệp trồng lúa, màu từ 25,7% năm 2010 xuống 19,7% năm 2015 và 13, % năm 2019 trung bình giảm 1,24 %/1 năm.

Hướng thứ 2: tăng dần tỷ trọng tập trung vào các nhóm tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, kinh doanh buôn bán, dịch vụ và làm thuê. Sự biến đổi tỷ trọng trong cơ cấu việc làm diễn ra ở tất cả các nhóm việc làm. Tuy nhiên sự thay đổi khác nhau rõ rệt về tốc độ. Đối với những nhóm việc làm hiện nay có tỷ trọng trội nhất cũng là nhóm việc làm thay đổi tốc độ nhanh nhất. Nhóm làm thuê tỷ trọng cao nhất (gần 30%), thay đổi theo hướng tăng dần, trong vòng 10 năm tăng tỷ lệ khoảng 10%, trung bình 1%/ 1 năm.

Đánh giá chung, tốc độ chuyển đổi của những nhóm việc làm nhanh nhất hay chậm nhất đều chuyển đổi với tỷ lệ không cao. Trong mười năm tỷ lệ tăng hay giảm của những nhóm này chỉ khoảng trên dưới 1%/1 năm. Những nhóm việc làm được kỳ vọng chuyển đổi nhiều nhất như, công nghiệp, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp chuyển đổi tỷ lệ tăng còn thấp, trung bình khoảng

0,1%/ 1 năm. Mặc dù tốc độ chuyển đổi nghề nghiệp khá chậm nhưng xu hướng chung là tích cực. Nhóm việc làm nông nghiệp vốn là nhóm gốc có tỷ lệ lớn nhất, hơn 70% trước 1986 tới nay còn khoảng 20% trong cơ cấu, đã đạt gần mức kỳ vọng của địa phương.

Như vậy, sự chuyển đổi đang diễn ra ở tất cả các nhóm việc làm. Xu hướng chung của sự chuyển đổi là theo hướng tích cực. Các nhóm ngành nghề truyền thống vốn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu ngành nghề ở nông thôn đang chuyển thành các nhóm ngành nghề mới được kỳ vọng như dịch vụ, công nghiệp, kinh doanh...

- Nhóm lao động làm thuê ngày tăng về quy mô do đã hình thành thị trường việc làm khá phong phú và ngày càng mở rộng theo hướng đa ngành nghề.

- Nhóm viên chức giảm dần do chủ trương tinh giảm biên chế của Nhà nước. Cũng bởi vậy định hướng làm việc trong bộ máy Nhà nước không còn kỳ vọng nhiều như trước.

3.3. Chuyển đổi giữa các nhóm nghề nghiệp, việc làm.

Quá trình chuyển đổi việc làm được nhìn nhận ở ba phương diện. Một là mức độ duy trì nghề sau một khoảng thời gian (thay đổi về cấu trúc). Hai là mức độ chuyển sang nghề nghiệp mới (thay đổi về thành phần). Số liệu khảo sát sự chuyển đổi việc làm trong vòng 5 năm từ 2015 - 2019 cho thấy, về phương diện duy trì và phát triển nghề nghiệp cũ, nhóm có tỷ lệ duy trì nghề cũ thấp nhất là nhóm trồng lúa, màu. Sau 5 năm tỷ lệ duy trì nghề nghiệp còn 67,8%. Sau 5 năm, nhóm này di động sang 6 nhóm nghề mới với tổng thay đổi là 32%.

Nhóm làm thuê di động sang 4 nhóm nghề khác, thể hiện sự bất ổn cao của nhóm việc làm này.

Nhóm kinh doanh di động sang 3 nhóm khác. Đặc biệt, không có nhóm nghề nào chuyển sang trồng trọt lúa, màu.

Ngược lại, nhóm được các nghề khác di động đến nhiều nhất là nhóm làm thuê có 5 nhóm và nhóm tiểu thủ công nghiệp có 4 nhóm nghề khác chuyển sang.

Tính trung bình sau 5 năm, tỷ lệ duy trì nghề cũ khoảng 85% và 15% chuyển sang nghề mới (chuyển đổi khoảng 3%/1 năm)

Nhóm nghề sản xuất nông nghiệp trồng trọt lúa, màu truyền thống có tỷ lệ phân hóa cao nhất, khoảng 32,2% chuyển sang các nhóm nghề mới.

Những yếu tố lợi thế, khó khăn và rủi ro có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động.

3.4. Tính chất quan hệ lao động trong các nhóm việc làm ở nông thôn hiện

Tình chất quan hệ trong cơ cấu lao động việc làm ở nông thôn đã thay đổi căn bản. Mặc dù nhóm tự tổ chức làm việc theo tính chất tự cung tự cấp, có sở hữu vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất (47,33%) trong thành phần cơ cấu việc làm ở nông thôn. Tuy nhiên đã hình thành nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, xuất hiện nhiều hình thức sở hữu khác nhau, phương thức tổ chức sản xuất mới. Thành phần kinh tế hợp tác xã mặc dù vẫn tồn tại một tỷ lệ nhỏ (2%) nhưng tính chất quan hệ lao động, việc làm không còn như hợp tác xã nông nghiệp trước 1986. Hợp tác xã kiểu mới hình thành trên cơ sở tự nguyện và sở hữu tư liệu sản xuất, vốn, tổ chức sản xuất và ăn chia sản phẩm theo hình thức hiệp thương và góp cổ phần.

3.5. Đa dạng nghề nghiệp, việc làm ở nông thôn hiện nay

Mặc dù đa số người lao động địa phương vẫn khởi nghiệp dựa trên phương châm “ *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*”. Tuy nhiên đã xuất hiện nhóm lao động khởi nghiệp theo phương châm, “ *Giỏi một nghề, biết nhiều nghề*”. Phương châm này cũng đã được nêu ra trong nhận thức xã hội từ lâu. Trong điều kiện nền sản xuất cũ, nghèo các nguồn lực, việc làm nhiều nghề chỉ giúp người lao động tận dụng nguồn nhân lực, tăng thêm thu nhập mà khó đầu tư mở rộng để ngành nghề phát triển theo cả bề rộng và chiều sâu. Nhóm đồng thời làm 2 việc (56) chiếm 18,7%. Điều này phản ánh việc đổi mới cơ chế kinh tế đã làm phân hóa mạnh các nhóm ngành nghề (biểu 2.1) tạo điều kiện cho người lao động dễ tìm được việc làm hơn. Mặt khác, tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện cho người lao động cải thiện thu nhập, có nhiều nguồn lực hơn về vốn, từ đó có thể mở rộng đầu tư cho những việc làm khác. Vẫn theo lập luận này, đối với nhóm làm ba công việc (20) chiếm 6,7% và cá biệt có nhóm làm 4 công việc (3) chiếm 1%, các nhóm này được hình thành cũng bởi điều kiện kinh tế xã hội hiện nay đã rất khác thời gian đầu đổi mới. Thị trường lao động và việc làm rộng mở hơn rất nhiều, người lao động có nhiều lựa chọn hơn cho việc làm của mình.

Một điểm đáng chú ý nữa là, tỷ lệ người làm một nghề phân bố trên mọi nhóm nghề. Nhóm việc làm nào chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu thì cũng có tỷ lệ

số người làm một công việc cao hơn. Phân tích kết quả của 73,6% số lao động đang đảm nhận 1 loại việc làm cho thấy sự phân bố khá “ổn định” trùng với mô tả chung ở biểu 2.1. Cụ thể, tỷ lệ việc làm ở nhóm làm thuê vẫn cao nhất 78/221 người (35,3%). Nhóm việc làm kinh doanh 41/221 người (18,5%). Nhóm làm dịch vụ 32/221 người (14,4%). Nhóm trồng trọt chỉ đứng ở vị trí thứ 4 với tỷ lệ là 31/221 người (14,02%). Hiện tượng này phản ánh một thực tế là, thay đổi một việc làm hoặc đồng thời đảm nhận thêm các việc làm khác đối với người lao động hiện nay không dễ dàng. Tính chuyên nghiệp của mọi công việc càng ngày càng đòi hỏi cao hơn, bắt buộc người lao động phải chú tâm đầu tư vào một công việc nhất định, nếu không sẽ khó đáp ứng yêu cầu của công việc đó.

Như vậy, phương châm việc làm của người lao động “*Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*” hay “*Giỏi một nghề, biết nhiều nghề*” đều tồn tại trong thị trường lao động việc làm ở nông thôn hiện nay. Tuy nhiên, nhóm lao động đảm nhận một công việc vẫn chiếm ưu thế. Sự phân hóa các nhóm việc làm và tăng trưởng kinh tế những năm gần đây đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho những lao động năng động, có các nguồn lực lao động tốt có thể tìm kiếm, đảm nhận thêm đồng thời những công việc khác nữa. Đây là một dấu hiệu tốt giúp người lao động không chỉ có cơ hội tìm được việc làm mà còn giúp họ chọn được những việc làm phù hợp khả năng và điều kiện hiện có của họ. Phương châm “*Giỏi một nghề biết nhiều nghề*” hay “*Biết nhiều nghề, giỏi nhiều nghề*” là những khả năng hoàn toàn có thể thực hiện được. Trong nền sản xuất truyền thống, các nguồn lực còn nhiều hạn chế những phương châm này giúp người lao động nông thôn tận dụng được nguồn nhân lực, những thế mạnh của địa phương về tài nguyên để tự tạo việc làm cho mình.

Chương 4. PHÂN TÍCH NHỮNG YẾU TỐ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN ĐỔI VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

4.1. Giới tính ảnh hưởng đến chuyển đổi nghề nghiệp

Phân công lao động theo giới trong các nhóm việc làm ở nông thôn hiện nay vẫn còn mang nhiều tính tự nhiên theo phương châm “*chồng cây vợ cấy*” trong sản xuất nông nghiệp. Nam giới vẫn giữ ưu thế trong những nhóm việc làm có những yêu cầu đặc trưng về thể lực như, công nghiệp, thủ công nghiệp. Nữ giới tập trung tại nhóm nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, viên chức và trồng cây đặc sản. Xu hướng tỷ lệ nam giới giảm, và nữ giới tăng trong nhóm việc làm sản xuất lúa, màu, trung bình nam giới di động sang các nhóm nghề khác 2%/1 năm, đây nhóm nữ sản xuất lúa, màu tăng thêm khoảng 2%/1 năm. Sự xuất hiện của yếu tố kỹ thuật công nghệ mới như máy cày bừa làm đất, máy gặt, máy cưa cắt, sấy, cũng góp phần làm thay đổi số việc làm của cả hai giới trong sản xuất lúa, màu, tạo ra môi trường thuận lợi người lao động di động sang những nhóm việc làm mới. Tỷ lệ nữ giới đã cao hơn nam giới trong một số nhóm việc làm có ưu thế, kinh doanh, làm thuê, trồng cây đặc sản. Định kiến giới vẫn còn tồn tại ở nông thôn, tuy nhiên đã có sự thay đổi trong nhận thức xã hội. Kỳ vọng về vai trò giới và định kiến giới mang tính phân biệt đối xử thiếu công bằng với người lao động nông thôn đã giảm đi nhiều. Hiện nay, phương châm ai giỏi và có ưu thế và tiềm lực về việc gì thì có thể làm việc đó. Điều này cũng đã làm ảnh hưởng khá rõ ràng đến quyết định lựa chọn chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động hiện nay.

4.2. Tuổi ảnh hưởng đến chuyển đổi nghề nghiệp

Bên cạnh các yếu tố về đặc trưng nghề nghiệp, giới tính, yếu tố tuổi cũng có ảnh hưởng mạnh đến chuyển đổi việc làm của người lao động. Yếu tố tuổi bao hàm hai phương diện đảm bảo lao động việc làm được thực hiện đó là, sức khỏe thể lực và tri thức kinh nghiệm sản xuất. Kết quả nghiên cứu cho thấy có một số đặc điểm đáng chú ý sau: Những người trẻ tuổi trong nhóm việc làm trồng lúa, màu truyền thống có xu hướng di động sang nhóm việc làm khác làm cho cơ cấu các nhóm tuổi đảm nhận nghề trồng lúa, màu già hóa tốc độ nhanh nhất. Nhóm tuổi trẻ (dưới 30) luôn có ưu thế cho phép người lao động cơ động chuyển đổi nghề nghiệp việc làm và làm ở những

nhóm nghề đòi hỏi nhiều về thể lực, độ linh hoạt, thích ứng nhanh với hoàn cảnh. Nhóm vừa có sức khỏe, vừa có kinh nghiệm sản xuất (nhóm trung niên 40 - 50) thường ổn định trong cơ cấu các nhóm nghề đang vận hành hiện nay. Nhóm trung niên đã qua nhiều thử nghiệm khởi nghiệp, trải nghiệm qua cả những việc làm không thành công, và đã định hình nghề nghiệp tại nhóm việc làm họ đang tham gia. Nhóm chuyên đổi nghề nghiệp chậm dần là nhóm người lao động có tuổi 50- 60 do sức khỏe khó thích ứng với những thay đổi của thị trường đặc biệt là những đòi hỏi về trình độ khoa học kỹ thuật, tin học mới trong quá trình sản xuất.

4.3. Yếu tố thu nhập ảnh hưởng đến chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm

Thu nhập là chỉ báo quan trọng bậc nhất trong nghiên cứu về lao động và việc làm. Thu nhập không những phản ánh mức sống của người lao động mà còn phản ánh khả năng tích lũy vốn để đầu tư tái sản xuất và mở rộng thị trường trao đổi, mua bán hàng hóa. Thu nhập luôn đóng vai trò động cơ thúc đẩy người lao động tìm kiếm những nguồn thu ngày càng cao hơn. Trong điều kiện nền sản xuất nông nghiệp nông thôn mặt bằng kỹ thuật còn lạc hậu, ít vốn và giá trị sản phẩm làm ra thấp, rất khó để người lao động có một việc làm có thu nhập cao. Điều này càng thúc đẩy người lao động tìm kiếm những cơ hội việc làm mới ở những lĩnh vực khác ít nhất là có thu nhập cao hơn sản xuất nông nghiệp. Có điểm thuận lợi, hiện nay thị trường lao động việc làm khá phong phú đa dạng, đa ngành đa nghề. Người lao động có nhiều cơ hội tìm kiếm những việc làm phù hợp các nguồn lực bản thân để cải thiện thêm thu nhập (bảng cơ cấu nghề nghiệp).

4.4. Yếu tố trình độ chuyên môn nghiệp vụ ảnh hưởng đến chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ là những tiêu chuẩn cơ bản đánh giá tính chuyên nghiệp trong công việc. Mức độ thạo nghề phụ thuộc vào quá trình học tập kinh nghiệm trực tiếp trong sản xuất, trong đào tạo cơ bản ở các cấp học tập. Thực tế khảo sát cho thấy, mặt bằng trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động hiện nay là tương đối thấp. Còn một tỷ lệ đáng kể người lao động chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Tập trung nhiều ở 3 nhóm, nhóm trồng lúa, màu 26,5%, nhóm kinh doanh 28,1% và nhóm làm thuê 25,0%. Thực tế qua phỏng vấn sâu cho thấy, việc học nghề của các

nhóm lao động này chủ yếu theo phương châm học làm quen dần bằng hình thức trực tiếp “cầm tay chỉ việc”.

- Đa số lao động nhóm trồng lúa, màu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ dưới mức sơ cấp. Điều này thể hiện mặt bằng trình độ sản xuất nông nghiệp hiện nay còn rất giản đơn, mức độ áp dụng kỹ thuật cao vào sản xuất còn rất hạn chế. Kéo theo năng xuất chất lượng sản phẩm nông nghiệp thấp.

- Nhóm có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học và trên đại học tập trung ở nhóm công chức, viên chức và lực lượng vũ trang chiếm 25%. Đây là những lực lượng lao động mang tính hành chính, gián tiếp. Một phần tỷ lệ người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao tập trung ở nhóm viên chức phản ánh một xu hướng, khi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao hơn, người lao động không muốn làm các công việc trực tiếp sản xuất.

- Nhóm ngành kinh doanh và dịch vụ và làm thuê thu hút lao động có trình độ cao hơn, tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng và đại học đạt mức 16,6% đến 28,5% là một dấu hiệu tích cực.

Sự phân bố thiếu hụt các nhóm lao động có trình độ chuyên môn cao từ cao đẳng đến trên đại học tại đa số các nhóm ngành sản xuất lúa, màu cây đặc sản là một sự mất cân đối về nguồn lực tri thức và kinh nghiệm sản xuất. Các nhóm nghề này sẽ khó có thể có đột phá khi không có những đội ngũ người lao động có chuyên môn kỹ thuật cao tham gia sản xuất. Muốn sản xuất nông nghiệp năng xuất cao không còn con đường nào khả dĩ hơn phải thay đổi phương thức sản xuất bằng tăng hàm lượng khoa học công nghệ. Đồng nghĩa với việc phải xây dựng một đội ngũ người lao động có mặt bằng trình độ chuyên môn cao hơn đáp ứng những tiêu chuẩn khoa học công nghệ của công cụ sản xuất mới.

4.5. Yếu tố khoa học và công nghệ

Người lao động ứng dụng các phương tiện khoa học và công nghệ vào trực tiếp sản xuất là tất yếu do đòi hỏi khách quan của thị trường. Việc chủ động đầu tư kinh phí lớn mua sắm và sử dụng các thiết bị công nghệ thường xuyên, trực tiếp vào sản xuất thể hiện tính chất việc làm của người lao động nông thôn hiện nay đã thay đổi căn bản. Sức lao động được giải phóng, năng xuất lao động tăng lên, chất lượng sản phẩm được cải thiện,

- Người lao động đã phải chi một khoản tiền đáng kể, chủ động mua sắm, trang bị các phương tiện công nghệ cần thiết trong phạm vi khả năng của

mình để ứng dụng vào công việc sản xuất. Bởi vậy giá thành và giá trị sản phẩm đều tăng lên.

- Có khoảng hơn 40% người lao động sử dụng phương tiện công nghệ tin học điện, trong đó 20% dùng với cường độ rất nhiều, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Bởi vậy hàm lượng tri thức kết tinh trong sản phẩm cao hơn.

- Yêu cầu mới của các tiêu chuẩn về tổ chức lao động, giờ làm việc, kỹ thuật vận hành sử dụng phương tiện kỹ thuật đòi hỏi người lao động phải được đào tạo về chuyên môn, kỹ năng sử dụng, điều khiển các phương tiện kỹ thuật, công nghệ mới.

- Các tiêu chuẩn yêu cầu độ chính xác về giờ giấc, phối hợp vận hành phương tiện, thực hiện hợp đồng giao, nhận nguyên liệu và chất lượng sản phẩm hàng hóa làm thay đổi tác phong làm việc của người lao động. Người lao động hình thành tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp có tính công nghiệp hơn ở nông thôn hiện nay.

4.6. Yếu tố gia đình

Kết quả khảo sát vẫn cho thấy, đa số (70%) số người được hỏi trả lời hầu như không được gia đình hỗ trợ nguồn lực gì cho công việc. Họ phải tự trông vào các nguồn lực của chính mình. Đây là nguyên nhân dẫn đến một thực tế quy mô nghề nghiệp, việc làm, tốc độ chuyển đổi các nhóm việc làm ở nông thôn hiện nay diễn ra còn chậm do hạn chế về các nguồn lực đầu tư sản xuất.

Trong điều kiện mặt bằng thu nhập còn thấp, khả năng tích lũy vốn khó khăn cùng hạn chế nhiều nguồn lực khác, người lao động nông thôn luôn tận dụng tốt các nguồn lực sẵn có trong gia đình để đầu tư cho công việc đang làm của mình. Trên cơ sở qua hệ tình cảm thân hữu anh em trong gia đình, hầu hết sự trợ giúp các nguồn lực vốn, đất đai, kinh nghiệm sản xuất, lao động còn mang tính duy cảm. Phổ biến nhất là trao đổi kinh nghiệm sản xuất, cho vay mượn vốn không lấy lãi, cho mượn mặt bằng hoặc cho thuê giá rẻ. Cũng còn hình thức người lao động hỗ trợ nhau theo hình thức góp sức lao động vận công đổi công. Tuy nhiên vẫn còn tỷ lệ lớn người lao động tự dựa vào các nguồn lực của bản thân mà không được gia đình, cộng đồng hỗ trợ nguồn lực gì. Với mặt bằng thu nhập thấp ở địa phương chắc chắn các nguồn lực này rất hạn chế. Đây cũng là lý do khiến tốc độ phát triển kinh tế, mở rộng ngành nghề, việc làm diễn ra chậm. Rất cần có những giải pháp

thiết thực từ chính quyền địa phương đê trợ giúp các nguồn lực cần thiết cho số đông người lao động này

3.7. Yếu tố chính sách ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm của người lao động.

Chính sách xã hội là một thiết chế xã hội, một thành tố quan trọng trong hệ thống cơ cấu xã hội. Chính sách xã hội được triển khai thông qua thực hiện các nghị quyết của các cơ quan quản lý xã hội. Chủ trương phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động đã được xác định rõ trong nghị quyết Đại hội Đại biểu cấp huyện, xã nơi triển khai nghiên cứu. Chủ trương đó có những điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, về mô hình phát triển kinh tế, huyện Chương Mỹ chủ trương phân đấu theo công thức: (5- 3 - 2) tức là 50 % công nghiệp và xây dựng cơ bản, 30% thương mại, dịch vụ và 20% nông nghiệp. Sau 5 năm (2015 - 2019) kết quả đạt được là: Công nghiệp và xây dựng cơ bản 57,9%, thương mại dịch vụ 24,8% và nông nghiệp 17,3%. Kết quả đạt được nêu trên được đánh giá đã vượt chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, báo cáo đánh giá vẫn cho rằng mức độ phát triển kinh tế như vậy chưa tương xứng với tiềm năng mọi mặt của địa phương

Thứ hai, địa phương đã thực hiện một số chủ trương mang tính đột phá, nhằm đầu tư cho phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao, hướng tới tích tụ ruộng đất sản xuất trên cánh đồng mẫu lớn.

Thứ ba, địa phương đã thực hiện một số chủ trương cụ thể, thiết thực để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động như, công tác đào tạo nghề, bổ túc kiến thức chuyên môn cho người lao động. Chẳng hạn, tính riêng ở xã Đông Sơn, trong 5 năm, tổ chức đào tạo 07 lớp nghề cho lao động phổ thông trong đó: 04 lớp mây tre đan, 01 lớp thêu, 02 lớp làm vườn, về cơ bản lao động trong độ tuổi trẻ hầu hết có việc làm tập trung nghề may, công nhân xây dựng, làm máy, lái xe. Các học sinh, sinh viên ra trường đều tìm được việc làm, song tỷ lệ có việc làm ổn định theo đúng ngành nghề đào tạo không cao, một bộ phận học sinh, sinh viên phải chuyển nghề khác, hoặc kinh doanh dịch vụ.

Có thể khẳng định, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã ảnh hưởng mạnh đến chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, việc làm của người lao động. Thể hiện vai trò quan trọng của các cơ quan quản lý trong việc hoạch định một chính sách phát triển kinh tế, mở rộng ngành nghề, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động một cách hợp lý.

4.7. Xu hướng chuyển đổi việc làm trong tương lai.

Định hướng làm cán bộ viên chức nhà nước tập trung chủ yếu vào nhóm thanh niên trẻ tuổi đang học và sắp tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp. Nhóm này cũng có kỳ vọng nhiều vào hướng xuất khẩu lao động sang các nước Đông Bắc Á như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản như một số địa phương đang thực hiện.

Mặc dù tỷ lệ người lao động có ý định chuyển đổi nghề nghiệp việc làm trong thời gian tới không lớn. Tuy nhiên sự chuẩn bị và mục đích chuyển đổi của họ là rõ ràng. Với hy vọng có thể tìm kiếm cơ hội việc làm đỡ vất vả hơn và cho thu nhập cao hơn những nhóm nghề hiện tại họ đang làm. Những nhóm nghề được người lao động định hướng nhiều nhất là các nhóm kinh doanh, dịch vụ và làm thuê, hoặc định hướng đến những nhóm nghề trong ngành nông nghiệp nhưng có thể cho thu nhập cao hơn như chăn nuôi và trồng cây đặc sản.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu trường hợp những yếu tố xã hội ảnh hưởng đến chuyển đổi việc làm của người lao động nông thôn dưới góc nhìn của các lý thuyết phân công lao động, cấu trúc chức năng, hiện đại hóa và kết quả của khảo sát thực tiễn, luận án đi đến những kết luận sau:

Thứ nhất, trong khoảng mười năm gần đây, sự phân hóa và phân công lao động ở nông thôn đã và đang tạo ra một thị trường lao động theo hướng đa dạng hóa nghề nghiệp. Sản xuất nông nghiệp không còn là nhóm nghề nghiệp, việc làm chủ đạo và có xu hướng giảm dần tỷ trọng so với các ngành nghề khác. Những nhóm việc làm mới phi nông nghiệp (đặc biệt là nhóm làm thuê) chiếm tỷ trọng cao hơn nhóm nông nghiệp truyền thống, tạo ra một cơ cấu nghề nghiệp, việc làm khác nhiều so với trước đây.

Thứ hai, tính chất quan hệ trong lao động, việc làm ở nông thôn hiện nay chuyển đổi theo hướng đa thành phần, đa sở hữu. Nhóm tự tổ chức làm việc theo hộ gia đình vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất trong thành phần cơ cấu việc làm ở nông thôn. Xuất hiện các hình thức sở hữu và phương thức tổ chức sản xuất mới. Các mối quan hệ chủ - thợ, vừa là chủ vừa là thợ, giữa các xã viên trong mô hình hợp tác xã mới là những mối quan hệ lao động khác với các quan hệ trong sản xuất nông nghiệp truyền thống.

Thứ ba, tăng trưởng kinh tế những năm gần đây đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhóm những người lao động năng động, tích lũy được các nguồn lực lao động tốt có thể tham gia đảm nhận nhiều loại công việc trong cùng một thời gian. “*Giỏi một nghề biết nhiều nghề*” hay “*Biết nhiều nghề, giỏi nhiều nghề*” là những phương châm cũng đang được người lao động hướng đến và thực hiện. Trong nền sản xuất hiện đại năng động như ngày nay, phương châm “biết và giỏi nhiều nghề” giúp người lao động giải phóng sức sáng tạo, tạo ra sự đa dạng hóa ngành nghề và việc làm cho mình và cộng đồng. Mặt khác, do sức ép của nhu cầu thị trường, hàm lượng khoa học và công nghệ ngày một tăng cao trong quá trình thực hiện việc làm, thể hiện chất lượng việc làm đã thay đổi theo hướng giải phóng sức lao động và sáng tạo của người lao động.

Thứ tư, quá trình chuyển đổi việc làm của người lao động hiện nay đang diễn ra trên cả ba phương diện. Chuyển đổi về cấu trúc về thành phần và về chất lượng việc làm. Quá trình chuyển đổi chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố trong đó ảnh hưởng rõ nét nhất là các nhóm yếu tố xã hội. Tuy nhiên, đang tồn tại những vấn đề đáng chú ý trong mối quan hệ giữa những yếu tố xã hội với chuyển đổi việc làm của người lao động. Quá trình chuyển đổi diễn ra chậm và vẫn còn mang tính tự phát, cụ thể như:

Đối với yếu tố giới tính, phân công lao động theo giới trong các nhóm việc làm ở nông thôn hiện nay vẫn còn mang nhiều tính tự nhiên. Nam giới vẫn giữ ưu thế trong những nhóm nghề có những yêu cầu đặc trưng về thể lực. Trong nhóm việc làm nông nghiệp, nữ giới luôn chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới. Nam giới có xu hướng tiếp tục di động sang các nhóm nghề khác làm cho tỷ lệ nữ giới làm nông nghiệp ngày một cao hơn; Đối với yếu tố thu nhập, thu nhập luôn đóng vai trò động cơ thúc đẩy người lao động tìm kiếm những việc làm cho thu ngày càng cao hơn. Hiện nay, đa số người lao động ở nông thôn có thu nhập ở mức trung bình. Trong đó nhóm trồng lúa, màu đa số là thu nhập dưới trung bình. Bởi vậy đây cũng là nhóm có tỷ lệ chuyển sang các nhóm nghề khác cao nhất. Các nhóm phi nông nghiệp (trừ nhóm làm thuê) cho thu nhập cao nhưng hiện nay chiếm tỷ trọng còn thấp trong cơ cấu nghề nghiệp, việc làm; Đối với yếu tố tuổi, yếu tố tuổi bao hàm ba phương diện, sức khỏe thể lực, độ nhanh nhạy linh hoạt và tri thức kinh

nghiệm sản xuất. Lứa tuổi hiện nay gắn liền với những nhóm việc làm đặc trưng rất rõ ràng. Nhóm tuổi trẻ dưới 30 luôn có nhiều ưu thế về thể lực, tính linh hoạt và cơ hội chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm. Tuy nhiên, họ đang gặp nhiều khó khăn trong khởi nghiệp và chuyển đổi việc làm bởi thiếu kinh nghiệm và vốn sản xuất. Nhóm người lao động cao tuổi do hạn chế về sức khỏe, khó thích ứng với những thay đổi của thị trường đặc biệt là những đòi hỏi về trình độ khoa học kỹ thuật, tin học mới, thường chuyển đổi nghề chậm; Đối với yếu tố khoa học và công nghệ, khoa học công nghệ đã là một thiết chế xã hội và đang trực tiếp tác động lên quá trình sản xuất. Một mặt người lao động vừa phải đầu tư kinh phí lớn mua sắm trang bị các thiết bị công nghệ cho sản xuất. Mặt khác phải không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật để khai thác sử dụng có hiệu quả các phương tiện đó. Những tiêu chuẩn mới về tổ chức lao động, giờ làm việc, độ chính xác của sản phẩm, độ chặt chẽ của quy trình vận hành sử dụng phương tiện kỹ thuật, công nghệ, những nguyên tắc thực hiện hợp đồng giao nhận sản phẩm buộc người lao động phải được đào tạo ở cấp độ mới nếu không, sẽ khó thích ứng với điều kiện làm việc mới; Đối với yếu tố gia đình, ở nông thôn hiện nay, mặc dù đã có nhiều thay đổi nhưng hộ gia đình vẫn là đơn vị sản xuất cơ bản. Qua hệ các thành viên trong gia đình dựa trên cơ sở huyết thống, thân hữu anh em ruột thịt. Sản có hệ giá trị cộng đồng thương người như thể thương thân, tương thân tương ái, hầu hết sự trợ giúp các nguồn lực vốn, đất đai, kinh nghiệm sản xuất, lao động vẫn còn mang tính duy cảm. Tính duy lý thiệt hơn theo cơ chế thị trường đã được đặt ra nhưng vẫn là thứ yếu. Đa số người lao động vẫn đang tự dựa vào các nguồn lực của bản thân mà chưa được gia đình, cộng đồng hỗ trợ các nguồn lực cần thiết. Người lao động tự dựa vào sức mình với mặt bằng thu nhập thấp ở địa phương, các nguồn lực sẽ rất hạn chế; Với yếu tố trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiện nay đa số người lao động chưa được đào tạo về chuyên môn, chủ yếu làm theo kinh nghiệm. Hình thức nâng cao tay nghề chủ yếu là tập huấn, bồi túc tại chỗ mà chưa qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp. Tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề từ cao đẳng trở lên còn thấp. Đây cũng là những khó khăn khiến quá trình chuyển đổi, mở rộng ngành nghề, việc làm của người lao động diễn ra chậm; Đối với yếu tố chính sách, trên thực tế, tất cả các yếu tố cơ bản cần thiết cho

phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động đều đã được nêu trong các nghị quyết của cơ quan quản lý địa phương. Tuy nhiên, đúng như đánh giá của địa phương cho rằng, hiện nay đang thiếu một chính sách phát triển kinh tế xã hội đồng bộ. Tính đồng bộ đang thiếu chính là các biện pháp cụ thể để đưa chính sách vào cuộc sống. Bởi vậy, chính sách vẫn còn mang tính lý thuyết nhiều hơn thực tiễn.

Với kết quả nghiên cứu đã đạt được, luận án cơ bản đã trả lời được các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Các giả thuyết nghiên cứu đã được chứng minh bằng số liệu định tính và định lượng cho thấy sự phù hợp với những phát hiện thực tiễn trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của người lao động nông thôn hiện nay. Mặc dù vậy, do hạn chế về nguồn lực, thời gian và ngoại cảnh, luận án còn những hạn chế nhất định. Những hạn chế này có thể là hướng gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này nếu đề tài tiếp tục được mở rộng nghiên cứu.

Hạn chế thứ nhất thuộc phạm vi mẫu nghiên cứu. Để đảm bảo mô tả một cách rõ ràng cơ cấu việc làm và những biến đổi của việc làm, trên một địa bàn phân bố dân cư khá phân tán, đề tài dự kiến sử dụng số lượng bảng hỏi đủ lớn để khảo sát. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh bùng phát, đề tài luận án mới chỉ sử dụng dung lượng mẫu chọn ở mức tối thiểu dẫn đến mẫu thu được ở một số nhóm việc làm quá nhỏ không đủ để mô tả định lượng, phải mô tả định tính. Hạn chế thứ hai, đề tài luận án đã mô tả và phân tích sự chuyển đổi việc làm về cấu trúc, thành phần, quá trình mà chưa mô tả được quy mô và xu hướng mở rộng sản xuất của các hộ, các cơ sở sản xuất để tạo thêm nhiều vị trí việc làm mới cho người lao động.

KHUYẾN NGHỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

- Đối với chính quyền địa phương
- Đối với các cơ quan đoàn thể
- Đối với các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất
- Đối với người lao động

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Xuân Hồng (2020), “ Chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm của người lao động nông thôn ngoại thành Hà Nội hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, T.6 (2b), tr.202 – 217.
2. Trần Xuân Hồng (2020), “ Từ thực tế việc làm của người lao động nông thôn – một số khuyến nghị chính sách về cơ cấu ngành nghề, việc làm nông thôn hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (300), tr.90 - 93.